PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2014/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

Thủ tướng Chính phủ Quyết định về việc ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 2. Bộ Tư pháp là cơ quan giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thống nhất công tác giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế và là Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 3 năm 2014.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ
PHỐI HỢP TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2014/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định nhiệm vụ, quyền hạn và quy trình phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền, bao gồm cả việc thuê luật sư tư vấn, chuyên gia kỹ thuật, mời nhân chứng và cơ chế tài chính phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chính phủ Việt Nam, cơ quan nhà nước Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Tranh chấp đầu tư quốc tế theo Quy chế này là tranh chấp phát sinh từ việc Nhà đầu tư nước ngoài kiện Chính phủ, Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi chung là Chính phủ Việt Nam) hoặc cơ quan nhà nước, tổ chức được cơ quan nhà nước ủy quyền quản lý nhà nước (sau đây gọi chung là cơ quan nhà nước) dựa trên cơ sở:

a) Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư hoặc hiệp định thương mại hoặc điều ước quốc tế khác có quy định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư mà Việt Nam là thành viên (sau đây gọi chung là hiệp định bảo hộ đầu tư), trong đó có quy định về việc giải quyết tranh chấp giữa Nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam tại trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền; hoặc

b) Hợp đồng, thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam hoặc cơ quan nhà nước Việt Nam và Nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có quy định cơ quan giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng, thỏa thuận này là trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

2. Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức hoặc cá nhân đáp ứng các tiêu chí về Nhà đầu tư nước ngoài theo pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3. Cơ quan bị kiện là cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đã ban hành, áp dụng biện pháp mà căn cứ vào đó Nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện trong một vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, là bị đơn trong vụ việc tranh chấp đó.

4. Cơ quan chủ trì là cơ quan đầu mối giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể, được xác định theo Điều 5 và có nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 6 Quy chế này.

5. Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ là Bộ Tư pháp, có nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 7 Quy chế này.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan là cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan tới việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế và được Cơ quan chủ trì mời hoặc yêu cầu tham gia giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể.

7. Tổ Công tác liên ngành là Tổ công tác làm nhiệm vụ tư vấn cho Cơ quan chủ trì trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể, do Cơ quan chủ trì thành lập.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Cơ quan chủ trì và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế chủ động, đồng bộ, chính xác, kịp thời, hiệu quả theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật Việt Nam để bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của Chính phủ Việt Nam, cơ quan nhà nước Việt Nam.

2. Cơ quan chủ trì và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm trước pháp luật về hậu quả phát sinh do không phối hợp hoặc phối hợp không đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan chủ trì và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có nghĩa vụ giữ bí mật Nhà nước, bí mật thông tin trong quá trình giải quyết tranh chấp theo quy định tố tụng giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể và quy định của pháp luật.

Điều 4. Nội dung phối hợp

Việc phối hợp giữa Cơ quan chủ trì và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế bao gồm các nội dung sau đây:

1. Giải quyết khiếu nại, tham vấn, thương lượng, hòa giải các bất đồng, mâu thuẫn với Nhà đầu tư nước ngoài.

2. Xây dựng và thực hiện chiến lược, kế hoạch giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Cung cấp thông tin, hồ sơ, chứng cứ và tài liệu liên quan phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

4. Cử người có đủ năng lực của cơ quan, tổ chức mình tham gia giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế khi được Cơ quan chủ trì yêu cầu.

5. Thực hiện các công việc liên quan đến giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trong giai đoạn tố tụng của trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

6. Thực hiện, phối hợp xử lý các nội dung liên quan đến thi hành phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế hay của cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

Điều 5. Xác định Cơ quan chủ trì

1. Cơ quan chủ trì vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể là Cơ quan bị kiện, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 của Điều này.

Trong trường hợp có hai hoặc nhiều hơn hai cơ quan nhà nước của Việt Nam là Cơ quan bị kiện trong một vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể, các cơ quan này phải thống nhất để một trong các cơ quan này là Cơ quan chủ trì. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bị kiện mà không thống nhất được Cơ quan chủ trì, các cơ quan này phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ và thông báo cho Bộ Tư pháp. Thủ tướng Chính phủ quyết định Cơ quan chủ trì theo đề xuất của Bộ trưởng Bộ Tư pháp trên nguyên tắc Cơ quan chủ trì là cơ quan nhà nước có liên quan nhiều nhất và năng lực phù hợp nhất để giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế đó.

2. Bộ Tư pháp là Cơ quan chủ trì giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế phát sinh khi Nhà đầu tư nước ngoài kiện Chính phủ Việt Nam trên cơ sở hiệp định bảo hộ đầu tư theo Điểm a Khoản 1 Điều 2 Quy chế này.

3. Cơ quan nhà nước Việt Nam chủ trì đàm phán hoặc thay mặt Chính phủ Việt Nam ký hợp đồng, thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với Nhà đầu tư nước ngoài theo Điểm b Khoản 1 Điều 2 Quy chế này là Cơ quan chủ trì giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế phát sinh trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận đó.

4. Bộ Tài chính là Cơ quan chủ trì giải quyết vụ việc tranh chấp phát sinh khi Nhà đầu tư nước ngoài kiện Chính phủ Việt Nam liên quan đến khoản vay, nợ của Chính phủ hoặc khoản vay, nợ được Chính phủ bảo lãnh theo Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ và Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

5. Trong trường hợp cần thiết theo đề xuất của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Thủ tướng Chính phủ quyết định phân công hoặc thay đổi Cơ quan chủ trì.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan chủ trì

Cơ quan chủ trì có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Tiếp nhận, xử lý các thông tin, tài liệu liên quan đến việc khởi kiện của Nhà đầu tư nước ngoài.

2. Làm đầu mối liên lạc, trao đổi với Nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện và với trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Chủ trì, phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

4. Chủ trì, phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan xây dựng chiến lược, kế hoạch giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

5. Chủ trì, phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc chỉ định trọng tài viên trong trường hợp thành lập Hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

6. Chủ trì, phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ lựa chọn, thuê và giám sát tổ chức hành nghề luật sư (sau đây gọi chung là luật sư) tư vấn giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

7. Chủ trì, phối hợp với Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan xử lý các vấn đề liên quan đến tranh chấp đầu tư quốc tế, trong đó có việc thuê chuyên gia kỹ thuật và mời nhân chứng phục vụ quá trình giải quyết tranh chấp.

8. Tham gia phiên xét xử của trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

9. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thi hành phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

10. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến tranh chấp đầu tư quốc tế theo Quy chế này và quy định pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ

Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Làm đầu mối giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thống nhất công tác giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chính phủ Việt Nam, cơ quan nhà nước Việt Nam.

2. Phối hợp với Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư được thuê theo quy định tại Quy chế này tư vấn cho Cơ quan chủ trì các vấn đề pháp lý liên quan đến giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế khi được Cơ quan chủ trì yêu cầu.

3. Hỗ trợ Cơ quan chủ trì thuê luật sư giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể.

4. Phối hợp với Cơ quan chủ trì trong việc xây dựng chiến lược, kế hoạch giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể.

5. Thay mặt Chính phủ Việt Nam tham gia phiên xét xử vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế trong trường hợp cần thiết hoặc theo đề nghị của Cơ quan chủ trì.

6. Cử đại diện tham gia Tổ Công tác liên ngành, tham gia phiên xét xử của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

7. Phối hợp với Cơ quan chủ trì và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thi hành phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

8. Xây dựng, cập nhập danh sách các chuyên gia pháp lý có thể làm trọng tài viên và danh sách tổ chức hành nghề luật sư có thể làm luật sư cho Chính phủ Việt Nam, cơ quan nhà nước Việt Nam trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan

Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Phối hợp với Cơ quan chủ trì và Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế theo yêu cầu của Cơ quan chủ trì và Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ phù hợp với khả năng chuyên môn hoặc lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

2. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin, hồ sơ, chứng cứ, tài liệu và giải trình các nội dung liên quan theo yêu cầu của Cơ quan chủ trì và/hoặc Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ.

3. Tham gia Tổ Công tác liên ngành theo yêu cầu của Cơ quan chủ trì.

4. Yêu cầu Cơ quan chủ trì cung cấp hoặc bổ sung thông tin về vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Chương II
PHỐI HỢP TRONG GIAI ĐOẠN NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI KHIẾU NẠI VÀ THAM VẤN

Điều 9. Trách nhiệm giải quyết khiếu nại và tham vấn

1. Việc giải quyết khiếu nại và tham vấn với Nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại và cam kết với Nhà đầu tư nước ngoài.

2. Trong trường hợp cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân nhận được khiếu nại hay yêu cầu tham vấn của Nhà đầu tư nước ngoài nhưng không có thẩm quyền giải quyết, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân đó phải hướng dẫn Nhà đầu tư nước ngoài gửi khiếu nại hoặc yêu cầu tham vấn đến cơ quan có thẩm quyền và thông báo việc này đến cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Xử lý trường hợp biện pháp bị khiếu nại hoặc tham vấn có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc cam kết với Nhà đầu tư nước ngoài

1. Trong quá trình giải quyết khiếu nại hoặc tham vấn với Nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan phải ngay lập tức báo cáo về vụ việc bị khiếu nại hoặc tham vấn cho cơ quan cấp trên trực tiếp của mình và Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ nếu xét thấy:

a) Biện pháp bị khiếu nại hoặc tham vấn có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật hoặc cam kết với Nhà đầu tư nước ngoài, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư nước ngoài; hoặc

b) Không thể giải quyết dứt điểm khiếu nại của Nhà đầu tư nước ngoài; hoặc

c) Có khả năng phát sinh vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết khiếu nại hoặc tham vấn với Nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp được quy định tại Khoản 1 Điều này phải thường xuyên thông báo tình hình kết quả giải quyết khiếu nại hoặc tham vấn cho Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp theo tiến trình giải quyết vụ việc.

3. Trong quá trình giải quyết khiếu nại hoặc tham vấn với Nhà đầu tư nước ngoài, nếu phù hợp, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan tiến hành việc thương lượng, hòa giải với Nhà đầu tư nước ngoài theo phương án đã được cơ quan cấp trên trực tiếp phê duyệt sau khi có ý kiến của Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ.

Chương III
PHỐI HỢP TRONG GIAI ĐOẠN TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ ĐƯỢC GIẢI QUYẾT TẠI TRỌNG TÀI QUỐC TẾ HOẶC CƠ QUAN TÀI PHÁN NƯỚC NGOÀI CÓ THẨM QUYỀN

Điều 11. Tiếp nhận thông tin, tài liệu về tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Cơ quan chủ trì là cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận thông báo ý định khởi kiện, thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự của Nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân không phải là Cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 5 Quy chế này nếu nhận được thông báo ý định khởi kiện, thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự của Nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao toàn bộ thông tin, tài liệu đã nhận trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đó đến:

a) Cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 5 Quy chế này; hoặc

b) Cơ quan cấp trên trực tiếp và Bộ Tư pháp nếu không xác định được Cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

3. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này hoặc thông báo bằng văn bản từ nguồn khác, Bộ Tư pháp phải gửi văn bản kèm theo bản sao toàn bộ hồ sơ nhận được đến:

a) Cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 5 Quy chế này; hoặc

b) Văn phòng Chính phủ để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định Cơ quan chủ trì theo quy định tại đoạn 2 Khoản 1 và Khoản 5 Điều 5 Quy chế này.

4. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Tư pháp theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phân công Cơ quan chủ trì.

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định phân công Cơ quan chủ trì, Văn phòng Chính phủ gửi thông báo về quyết định phân công Cơ quan chủ trì đến Cơ quan chủ trì để thực hiện.

Điều 12. Thông báo về việc Nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện và yêu cầu cung cấp thông tin, hồ sơ, chứng cứ, tài liệu phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo ý định khởi kiện hoặc thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự của Nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền, Cơ quan chủ trì phải thông báo bằng văn bản kèm theo các thông tin, tài liệu liên quan đến Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Nội dung thông báo theo quy định tại Khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Tên, quốc tịch của Nhà đầu tư nước ngoài;

b) Căn cứ khởi kiện và biện pháp bị khởi kiện;

c) Cơ quan tài phán giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

d) Các tình tiết của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

đ) Yêu cầu của Nhà đầu tư nước ngoài;

e) Đánh giá sơ bộ ban đầu về vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

g) Tên cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được đề nghị hoặc yêu cầu phối hợp và các thông tin, hồ sơ, chứng cứ, tài liệu cần được cung cấp để phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

h) Các nội dung cần thiết khác cho việc giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được yêu cầu phối hợp theo Khoản 2 Điều này trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị hoặc yêu cầu của Cơ quan chủ trì có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, hồ sơ, chứng cứ, tài liệu.

4. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan chủ trì yêu cầu Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp bổ sung thông tin, hồ sơ, chứng cứ, tài liệu và cử người tham gia Tổ Công tác liên ngành phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp bổ sung thông tin, hồ sơ, chứng cứ, tài liệu và cử người tham gia Tổ Công tác liên ngành theo yêu cầu của Cơ quan chủ trì trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

5. Trong trường hợp vì lý do khách quan không thể đáp ứng thời hạn bảy (07) ngày làm việc theo Khoản 3 và Khoản 4 Điều này, Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan phải thông báo lại với Cơ quan chủ trì, trong đó nêu rõ lý do và thời hạn hoàn thành sớm nhất có thể.

Điều 13. Xây dựng chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Trong thời hạn ba mươi lăm (35) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo ý định khởi kiện, thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự của Nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền, Cơ quan chủ trì phối hợp với Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và Tổ Công tác liên ngành (nếu đã được thành lập), luật sư (nếu có) xây dựng chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế gửi Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ để lấy ý kiến.

Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận dự thảo chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ gửi Cơ quan chủ trì ý kiến về các nội dung trong dự thảo chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế đó.

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ về các nội dung trong dự thảo chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, Cơ quan chủ trì phải hoàn thiện và gửi chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế đến cơ quan cấp trên trực tiếp hoặc Thủ tướng Chính phủ (nếu Cơ quan chủ trì là Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) để phê duyệt.

2. Chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế bao gồm các nội dung sau:

a) Tóm tắt vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và cơ sở pháp lý liên quan;

b) Phân tích điểm mạnh, điểm yếu của phía Việt Nam và của Nhà đầu tư nước ngoài;

c) Trình bày quy trình tố tụng đối với vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và nhiệm vụ của Cơ quan chủ trì, Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong các bước của quy trình tố tụng này;

d) Việc sử dụng luật sư, chỉ định trọng tài viên (nếu có);

đ) Đề xuất các phương án xử lý vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, trong đó có phương án thương lượng, hòa giải;

e) Nhận xét, kiến nghị liên quan.

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo Khoản 1 Điều này có ý kiến phê duyệt chiến lược này và gửi Cơ quan chủ trì, Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ.

4. Trong quá trình thực hiện chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được phê duyệt, nếu cần thiết, Cơ quan chủ trì phối hợp với Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và Tổ Công tác liên ngành (nếu đã được thành lập) sửa đổi, bổ sung chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

Trong trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung phương án xử lý vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế nêu tại Điểm đ Khoản 2 Điều này, Cơ quan chủ trì phải trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung đó theo quy định tại Điều này và gửi cho Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ.

5. Chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được bảo quản theo chế độ mật.

Điều 14. Thành lập, giải thể Tổ Công tác liên ngành

1. Tùy theo tính chất của vụ việc, Cơ quan chủ trì quyết định việc thành lập Tổ Công tác liên ngành.

Tổ Công tác liên ngành được thành lập khi vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được khởi kiện ra trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền. Trong trường hợp cần thiết, Tổ Công tác liên ngành có thể được thành lập sau khi Cơ quan chủ trì nhận được thông báo ý định khởi kiện của Nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

2. Thành viên Tổ Công tác liên ngành gồm đại diện của Cơ quan chủ trì và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành là lãnh đạo của Cơ quan chủ trì.

Phó Tổ trưởng Tổ Công tác liên ngành được xác định như sau:

a) Trong trường hợp Chính phủ Việt Nam là bị đơn theo Khoản 2 Điều 5 Quy chế này, Phó Tổ trưởng Tổ Công tác liên ngành là đại diện của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Trong trường hợp Chính phủ Việt Nam là bị đơn theo Khoản 3 hoặc Khoản 4 Điều 5 Quy chế này, Phó Tổ trưởng Tổ Công tác liên ngành là đại diện của Bộ Tư pháp;

c) Trong trường hợp một cơ quan nhà nước cụ thể của Việt Nam (không phải là Chính phủ Việt Nam) là bị đơn, Phó Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành là đại diện của cơ quan nhà nước cùng cấp với Cơ quan chủ trì và do Cơ quan chủ trì quyết định.

3. Cơ quan chủ trì quyết định việc thành lập và hoạt động của Tổ Công tác liên ngành.

4. Tổ Công tác liên ngành tự giải thể và chấm dứt hoạt động sau khi vụ việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế kết thúc.

Điều 15. Nhiệm vụ của Tổ Công tác liên ngành

1. Tổ Công tác liên ngành có nhiệm vụ tư vấn cho Cơ quan chủ trì và Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ (khi Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ yêu cầu) về các vấn đề liên quan đến giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Tổ Công tác liên ngành có trách nhiệm thực hiện theo chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế đã được phê duyệt theo quy định của Điều 13 Quy chế này.

3. Thành viên Tổ Công tác liên ngành báo cáo xin ý kiến lãnh đạo của cơ quan cử thành viên đó về những nội dung liên quan đến lĩnh vực do cơ quan mình quản lý. Ý kiến của thành viên Tổ Công tác liên ngành là ý kiến chính thức của cơ quan cử thành viên đó.

4. Thành viên Tổ Công tác liên ngành có quyền bảo lưu ý kiến của mình nếu ý kiến đó khác với ý kiến của Tổ Công tác liên ngành hoặc của Cơ quan chủ trì.

Điều 16. Chế độ làm việc của Tổ Công tác liên ngành

1. Các thành viên Tổ Công tác liên ngành hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Các thành viên Tổ Công tác liên ngành thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ trưởng Tổ Công tác liên ngành và có trách nhiệm tham gia đầy đủ, hiệu quả các hoạt động của Tổ Công tác liên ngành. Khi cần thiết, Tổ trưởng Tổ Công tác liên ngành mời luật sư được thuê tư vấn tham gia các hoạt động của Tổ Công tác liên ngành.

3. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổ chức một bộ phận giúp việc cho Tổ Công tác liên ngành để thực hiện các công việc hành chính và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho các hoạt động của Tổ Công tác liên ngành.

Điều 17. Xây dựng, thực hiện kế hoạch giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày chiến lược giải quyết vụ kiện tranh chấp đầu tư quốc tế được phê duyệt theo Khoản 3 Điều 13 Quy chế này nhưng không muộn hơn thời điểm nộp bản tự bảo vệ đầu tiên của Chính phủ Việt Nam hoặc cơ quan nhà nước Việt Nam theo quy trình tố tụng giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, Cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ Công tác liên ngành, Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư được thuê (nếu có) phải hoàn thành việc xây dựng kế hoạch giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế căn cứ vào chiến lược đã được phê duyệt theo quy định của Điều 13 Quy chế này.

2. Kế hoạch giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế gồm có các nội dung sau đây:

a) Tóm tắt vụ việc tranh chấp;

b) Các công việc cần triển khai phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp và mốc thời gian dự kiến của các công việc đó;

c) Nhiệm vụ cụ thể của Cơ quan chủ trì, Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và của luật sư (nếu có);

d) Các vấn đề cần báo cáo, xin ý kiến của cơ quan cấp trên trực tiếp của Cơ quan chủ trì hoặc Thủ tướng Chính phủ (nếu Cơ quan chủ trì là Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) và cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác;

đ) Dự kiến các khoản chi phí và nguồn kinh phí cho việc giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ Công tác liên ngành, Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư được thuê (nếu có) tổ chức thực hiện kế hoạch giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế. Trong trường hợp cần thiết và để phù hợp với thực tế, Cơ quan chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân nêu trên thực hiện việc điều chỉnh kế hoạch giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

4. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm gửi kế hoạch giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và các sửa đổi, bổ sung (nếu có) theo quy định của Khoản 2 và Khoản 3 Điều này cho cơ quan cấp trên trực tiếp của Cơ quan chủ trì hoặc Thủ tướng Chính phủ (nếu Cơ quan chủ trì là Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) và Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ.

5. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm thường xuyên (hàng tháng hoặc hàng quý tùy theo tính chất phức tạp và tiến độ của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế) thông báo cho Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ về tiến độ thực hiện kế hoạch giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế. Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện kế hoạch giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế của Cơ quan chủ trì và kịp thời phối hợp xử lý các vướng mắc trong quá trình thực hiện kế hoạch giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

6. Kế hoạch giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được bảo quản theo chế độ mật.

Điều 18. Xây dựng, hoàn thiện các bản tự bảo vệ, tài liệu nộp trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền

1. Cơ quan chủ trì phối hợp với Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) xây dựng, hoàn thiện các bản tự bảo vệ, tài liệu nộp trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền theo quy trình tố tụng giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm góp ý bằng văn bản đối với dự thảo các bản tự bảo vệ, tài liệu nộp trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán

nước ngoài có thẩm quyền trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của Cơ quan chủ trì, trừ khi Cơ quan chủ trì có yêu cầu thời hạn trả lời dài hơn.

3. Khi nộp các bản tự bảo vệ cho trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền, Cơ quan chủ trì có trách nhiệm gửi một bản sao đến Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ.

Điều 19. Tham gia phiên xét xử của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền

1. Cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ Công tác liên ngành, Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) chuẩn bị nội dung tham gia vào phiên xét xử của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

2. Tùy theo tính chất vụ việc, Cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ Công tác liên ngành, Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) quyết định thành phần tham gia phiên xét xử và mời nhân chứng, chuyên gia kỹ thuật tham gia phiên xét xử.

Điều 20. Xử lý các vấn đề liên quan sau phiên xét xử của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền

1. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày phiên xét xử của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền kết thúc, Cơ quan chủ trì có trách nhiệm báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan chủ trì hoặc Thủ tướng Chính phủ (nếu Cơ quan chủ trì là Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) và Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ về kết quả phiên xét xử của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

2. Cơ quan chủ trì phối hợp với Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan xử lý các vấn đề phát sinh sau phiên xét xử của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

Điều 21. Đàm phán, thương lượng, hòa giải với Nhà đầu tư nước ngoài

1. Trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, căn cứ vào tình hình thực tế, chiến lược và kế hoạch giải quyết vụ việc, Cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ Công tác liên ngành, Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) xây dựng phương án hòa giải với Nhà đầu tư nước ngoài trình cơ quan cấp trên trực tiếp của Cơ quan chủ trì hoặc Thủ tướng Chính phủ (nếu Cơ quan chủ trì là Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) phê duyệt và sao gửi Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ.

2. Trong trường hợp phương án hòa giải với Nhà đầu tư nước ngoài được phê duyệt theo Khoản 1 Điều này, Cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ Công tác liên ngành, Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) tiến hành đàm phán, thương lượng, hòa giải với Nhà đầu tư nước ngoài theo đúng phương án đó.

Chương IV
PHỐI HỢP TRONG GIAI ĐOẠN THI HÀNH PHÁN QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ CỦA TRỌNG TÀI QUỐC TẾ HOẶC CƠ QUAN TÀI PHÁN NƯỚC NGOÀI CÓ THẨM QUYỀN

Điều 22. Công nhận và thi hành tại Việt Nam phán quyết, quyết định giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền

1. Việc công nhận và thi hành tại Việt Nam phán quyết, quyết định giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên.

2. Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý việc thi hành tại Việt Nam phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

Điều 23. Thi hành ở nước ngoài phán quyết, quyết định giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền

Cơ quan chủ trì phối hợp với Bộ Ngoại giao, Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc thi hành ở nước ngoài phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

Điều 24. Xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã ban hành, áp dụng biện pháp trái pháp luật, trái cam kết quốc tế của Việt Nam dẫn đến tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Việc xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã ban hành, áp dụng biện pháp trái pháp luật Việt Nam, trái cam kết quốc tế của Việt Nam dẫn tới tranh chấp đầu tư quốc tế được thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam.

2. Việc xác định trách nhiệm của cá nhân đã ký hợp đồng, thỏa thuận với Nhà đầu tư nước ngoài trái pháp luật Việt Nam, gây ra tranh chấp đầu tư quốc tế được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Chương V
THUÊ LUẬT SƯ TƯ VẤN, CHUYÊN GIA KỸ THUẬT VÀ MỜI NHÂN CHỨNG PHỤC VỤ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Điều 25. Thuê luật sư tư vấn giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Tùy theo tính chất phức tạp của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, Cơ quan chủ trì tham vấn Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ để quyết định việc lựa chọn, thuê luật sư tư vấn.

2. Cơ quan chủ trì phối hợp với các cơ quan nhà nước liên quan xây dựng các tiêu chí, điều khoản giao việc, cơ chế kiểm soát luật sư, dự kiến danh sách (không ít hơn 03) tổ chức hành nghề luật sư dự kiến được thuê và tổ chức đàm phán hợp đồng dịch vụ pháp lý với tổ chức hành nghề luật sư được lựa chọn phù hợp với các quy định pháp luật.

Cơ quan chủ trì báo cáo cơ quan cấp trên và thông báo cho Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ về kết quả đàm phán hợp đồng dịch vụ pháp lý trước khi ký.

3. Thủ trưởng Cơ quan chủ trì hoặc người được ủy quyền ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với tổ chức hành nghề luật sư sau khi báo cáo kết quả đàm phán theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Cơ quan chủ trì phối hợp với các cơ quan nhà nước liên quan kiểm soát việc thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký với tổ chức hành nghề luật sư.

Điều 26. Thuê chuyên gia kỹ thuật, mời nhân chứng

Tùy theo yêu cầu của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, Cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ Công tác liên ngành, Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) quyết định việc thuê chuyên gia kỹ thuật, mời nhân chứng phục vụ quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

Chương VI
CƠ CHẾ TÀI CHÍNH PHỤC VỤ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Điều 27. Nguyên tắc bố trí kinh phí phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Trong trường hợp Cơ quan chủ trì là cơ quan nhà nước ở trung ương, kinh phí phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được ngân sách trung ương đảm bảo.

2. Trong trường hợp Cơ quan chủ trì là cơ quan nhà nước ở địa phương, kinh phí phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định về phân cấp ngân sách.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự toán kinh phí của Cơ quan chủ trì, cơ quan tài chính cùng cấp có trách nhiệm thẩm định, rà soát kinh phí phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và phối hợp với Cơ quan chủ trì báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định.

4. Trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, khi cần thiết, Cơ quan chủ trì có quyền chủ động sử dụng kinh phí thường xuyên cấp cho cơ quan đó để phục vụ các hoạt động giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và sau đó được cấp bù theo dự toán kinh phí được phê duyệt theo Khoản 3 Điều này.

Điều 28. Chi phí phát sinh từ việc tham gia của các cơ quan nhà nước trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Chi phí phát sinh từ việc thực hiện nhiệm vụ đại diện pháp lý cho Chính phủ được cấp trong kinh phí hoạt động hàng năm của Bộ Tư pháp.

2. Chi phí phát sinh từ việc thực hiện các hoạt động khác trong phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế được cấp cho Cơ quan chủ trì theo từng vụ việc cụ thể (bao gồm cả chi phí phục vụ hoạt động của Tổ Công tác liên ngành) và được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Trong trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định kinh phí phục vụ vụ việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế theo đề nghị của Cơ quan chủ trì giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế đó.

Điều 29. Chi phí chi trả cho trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền, luật sư, chuyên gia kỹ thuật, nhân chứng và thi hành phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền

1. Kinh phí chi trả cho trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền, luật sư, chuyên gia kỹ thuật, nhân chứng và thi hành phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền được cấp cho từng vụ việc cụ thể từ ngân sách nhà nước theo nguyên tắc quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 27 Quy chế này.

Trong trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định về nguồn kinh phí chi trả cho trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền, luật sư, chuyên gia kỹ thuật, nhân chứng và thi hành phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Chi phí cho hoạt động tố tụng trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền được Cơ quan chủ trì chi trả theo yêu cầu thực tế của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

3. Chi phí luật sư, chuyên gia kỹ thuật được chi trả theo hợp đồng được ký giữa Cơ quan chủ trì với các chủ thể này.

4. Cơ quan chủ trì hỗ trợ chi phí đi lại, ăn ở của nhân chứng theo thực tế phù hợp quy định của pháp luật.

5. Căn cứ vào phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, Cơ quan chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan nhà nước liên quan trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kinh phí thi hành phán quyết, quyết định đó.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Điều khoản thi hành

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện Quy chế này và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp khi được yêu cầu để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp có trách nhiệm trình cơ quan có thẩm quyền về việc thành lập một đơn vị chuyên trách thuộc Bộ Tư pháp để thực hiện nhiệm vụ được giao theo Quy chế này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ những vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy chế này và sao gửi Bộ Tư pháp.

Điều 31. Đôn đốc, kiểm tra thực hiện Quy chế

Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng